

TS. NGUYỄN THỊ THANH HÀ

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

TẠP CHÍ LÝ LUẬN - KHOA HỌC GIÁO DỤC * BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số đặc biệt

Tháng 5/2020



ISSN 2354-0753

VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC THẨM MỸ TRONG VIỆC XÂY DỰNG NHÂN CÁCH CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Thị Thanh Hà

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

Email: thanhha072007@gmail.com

Keywords

aesthetic education,
personality, Vietnamese.

ABSTRACT

Personality is not what is available in people, it is formed and developed step by step according to certain rules. It is in the process of forming and developing personality, man has created measures for perfect personality. In it, the measure of beauty is associated with the aesthetic sentiment of man. Here, aesthetic education plays a very important role because the aesthetic world, especially the art world, with its nature and characteristics, of its inclined integrity will impact and develop holistically and harmonize the physical, mental, intellectual and human talents side by side with the development of all other fields of knowledge.

1. Mở đầu

Con người tự bản thân luôn có ý thức hướng về cái đẹp. Từ rất lâu, cái đẹp đã trở thành khát vọng của loài người và đã là động lực thúc đẩy sự phát triển, hoàn thiện con người. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin là những người đầu tiên khẳng định phải đưa cái đẹp vào cuộc sống, phải tiến hành giáo dục thẩm mỹ (GDTM) cho quần chúng. Có thể hiểu, GDTM là giáo dục về cái đẹp, giáo dục con người nhận thức ra cái đẹp, lí giải cái đẹp, biết yêu cái đẹp và sống, lao động theo tiêu chuẩn cái đẹp.

GDTM bao quát mọi lĩnh vực trong đời sống con người và ở đâu có con người, có hoạt động của con người thì ở đó có cái đẹp và rất cần cái đẹp. Cái đẹp có mặt trong quan hệ giữa con người với thiên nhiên, giữa con người với con người; cái đẹp thể hiện trong ngôn ngữ, hành vi, trong cách ứng xử, trong trang phục, cách trang trí nơi ở, chỗ làm việc; cái đẹp có mặt trong lao động sản xuất và trong đấu tranh xã hội.

GDTM được tiến hành nhằm mục tiêu phổ quát là hoàn thiện đời sống thẩm mỹ của con người, mục tiêu này đặt ra yêu cầu phải tác động toàn diện và sâu sắc tới toàn bộ đời sống xã hội, trong đó việc xây dựng nhân cách con người phát triển toàn diện là một đòi hỏi tất yếu. Trong đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã rất quan tâm đến sự nghiệp rèn luyện GD-ĐT con người xã hội chủ nghĩa và xem đó là mục tiêu chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

GDTM là một trong những nội dung quan trọng để bồi dưỡng nên những cá nhân phát triển toàn diện, nhân cách phong phú, hài hòa về thể chất, tinh thần, đạo đức và tài năng. Chính vì vậy, những vấn đề về GDTM được Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm. Đây là một trong những nội dung cơ bản trong chiến lược con người của cách mạng Việt Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã xác định: "Chủ trọng xây dựng nhân cách con người Việt Nam về lí tưởng, trí tuệ, đạo đức, lối sống, thể chất, lòng tự tôn dân tộc, trách nhiệm xã hội, ý thức chấp hành pháp luật, nhất là trong thể hệ trẻ" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr 126).

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Nhân cách và quy luật của sự hình thành nhân cách

Khi bàn về vấn đề con người, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ bàn đến bản chất tự nhiên mà đặc biệt chú ý đến bản chất xã hội của con người, lí giải các quan hệ xã hội tham gia vào sự hình thành bản chất ấy cũng như vai trò của thực tiễn và hoạt động thực tiễn đối với sự hình thành nhân cách. Từ đó, trên cơ sở quan điểm triết học Mác - Lênin xem "Nhân cách là những phẩm chất, những trạng thái, tính chất, xu hướng bên trong của từng cá nhân. Đó là thể giới của cái tôi do tác động tổng hợp của các yếu tố cơ thể và xã hội hết sức riêng biệt tạo nên để cá nhân đó có thể tồn tại và hoàn thành trách nhiệm của mình đối với bản thân và xã hội" (Nguyễn Thế Kiệt, 2014, tr 112).

Nhân cách không được sinh ra đồng thời với sự sinh ra bản thân con người. Trong thực tế, khi mới sinh ra, con người chưa trở thành một nhân cách mà mới chỉ mang tiềm năng. Nhân cách chính là kết quả tích lũy dần dần những kinh nghiệm sống, những tri thức mà cá nhân người đó đã trải nghiệm, tập nhiễm được trong quá trình sống và trưởng

Trong sự phát triển cá nhân, lí tưởng thẩm mĩ là yếu tố thể hiện vị trí chủ đạo rõ rệt nhất, là động lực mạnh mẽ nhất của sự phát triển ấy. Do vậy, trong việc giáo dục nhân cách, giáo dục lí tưởng thẩm mĩ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Văn hóa thẩm mĩ tác động trực tiếp tới tư tưởng, tình cảm con người bằng hệ thống giá trị của nó, đặc biệt là các giá trị nghệ thuật - cái cao cả, cái đẹp trong đời sống. Nghệ thuật lại là lĩnh vực hoạt động cơ bản của lí tưởng thẩm mĩ, khi tiếp nhận nghệ thuật, dù tự giác hay không tự giác, con người cũng tiếp nhận cả lí tưởng thẩm mĩ thể hiện trong chính hình tượng nghệ thuật, qua đó đề hướng tới các lí tưởng chính trị, lí tưởng đạo đức tốt đẹp trong đời sống. Lí tưởng thẩm mĩ thể hiện sinh động bằng những mẫu mực của đời sống hoặc bằng hình tượng nhân vật, hình tượng cuộc sống trong nghệ thuật. Mặt khác, lí tưởng thẩm mĩ lại là biểu hiện cao nhất của ý thức thẩm mĩ. Sự hình thành lí tưởng thẩm mĩ ở mỗi cá nhân không chỉ tác động đến các yếu tố cấu thành ý thức thẩm mĩ, mà còn tác động đến toàn bộ nhu cầu, hứng thú, thị hiếu, lí tưởng nói chung trong phẩm chất của nhân cách.

2.3.2. Giáo dục thẩm mĩ có vai trò đánh thức những năng lực sáng tạo tiềm ẩn, hoàn thiện năng lực tư duy của con người

Năng lực sáng tạo với tư cách là năng lực cải tạo, hoạt động sản sinh cái mới có thể biểu hiện ra trong bất kì lĩnh vực hoạt động nào của con người. Năng lực thẩm mĩ là một trong nhiều năng lực mà con người có được, song nó là loại năng lực bậc cao, cho nên “năng lực sáng tạo thẩm mĩ có giá trị hoàn thiện các năng lực riêng và là bí quyết phát triển con người toàn diện” (Đỗ Huy, 1987, tr 64).

Năng lực sáng tạo là một trong những đặc trưng của loài người. Mác đã từng nói, sự khác nhau trước hết giữa nhà kiến trúc tồi nhất và con ong khéo léo nhất là ở chỗ, con người trước khi dựng cái tổ ong trong thực tế thì đã hình dung trước cái tổ ong đó trong đầu mình. Đề ra mục đích tức là phát hiện tình huống có vấn đề. Giải quyết vấn đề trong ý thức và thực hiện nó trong thực tiễn chính là sáng tạo hiểu theo nghĩa rộng nhất.

Trong hoạt động GDTM, nghệ thuật luôn được xem là phương tiện hữu hiệu nhất, có tác động sâu sắc và toàn diện nhất tới nhân cách con người từ tuổi ấu thơ cho đến hết cuộc đời. Tác động của nghệ thuật đối với sáng tạo khoa học thông qua cơ chế gợi mở, đánh thức, thông qua một chuỗi những cảm xúc, liên tưởng, suy tư do hình tượng nghệ thuật mang lại. Nghệ thuật không chỉ gợi mở tiềm năng sáng tạo cho các nhà khoa học mà là cho tất cả mọi hoạt động sáng tạo của con người, bởi “bản chất thẩm mĩ là cái vốn có trong mọi sáng tạo - cả trong lĩnh vực thực tiễn - chính trị, cả trong quản lí - tổ chức...” (Nguyễn Văn Huyền, 1987, tr 128).

GDTM còn góp phần vào quá trình hoàn thiện năng lực tư duy của con người. Ở mỗi con người đều có khả năng tư duy logic (bằng khái niệm) và tư duy nghệ thuật (bằng hình tượng). Cả hai kiểu tư duy này đều quan trọng, cùng phục vụ cho sự nhận thức và cải tạo thế giới.

2.3.3. Giáo dục thẩm mĩ góp phần bồi dưỡng năng lực cảm xúc, tạo dựng nhân cách hài hòa cho sự phát triển con người

Cảm xúc thẩm mĩ là khả năng rung cảm của con người trước những ấn tượng thẩm mĩ nhận được. Bản thân sự rung cảm này là sự xúc động tâm lí, là niềm vui, nỗi buồn, sự xúc động được khơi gợi bởi các hiện tượng thẩm mĩ như cái cao cả, cái đẹp, cái bi, cái hài trong cuộc sống và trong nghệ thuật. Là loại tình cảm đặc thù của con người, cảm xúc thẩm mĩ nảy sinh khi chủ thể thẩm mĩ tiếp xúc trực tiếp với khách thể thẩm mĩ đặc biệt như tác phẩm nghệ thuật, sản phẩm đẹp của lao động, vẻ đẹp của tự nhiên. Những cảm xúc đó kích thích tính tích cực về mặt xã hội của con người, điều tiết hành vi của họ và tác động đến sự hình thành những lí tưởng chính trị - xã hội, đạo đức, thẩm mĩ. Cảm xúc thẩm mĩ là một loại cảm xúc cao quý vô tư, không vụ lợi, cảm xúc mang tính người, khẳng định sự tồn tại của con người như một chủ thể có văn hóa.

Trong nhiệm vụ giáo dục nhân cách cho con người Việt Nam hiện nay, việc trau dồi cảm xúc thẩm mĩ thông qua hoạt động thẩm mĩ tích cực của con người sẽ góp phần tạo nên một nhân cách hài hòa giữa lí trí và cảm xúc, giữa nhu cầu vật chất và nhu cầu tinh thần, giữa con người kinh tế và con người văn hóa. Cảm xúc thẩm mĩ cũng góp phần tự điều chỉnh hành vi và là cơ sở làm xuất hiện nhu cầu, thị hiếu thẩm mĩ lành mạnh.

2.3.4. Giáo dục thẩm mĩ góp phần hình thành đạo đức cá nhân, phẩm chất ý chí, ý thức kỉ luật trong nhân cách con người

Từ phương diện thẩm mĩ, giáo dục ý thức thẩm mĩ và nghệ thuật tác động đến tầng sâu nhất của thế giới nội tâm con người bằng sức mạnh của cái đẹp. Với tư cách là lực lượng bản chất người của nhân loại, cái đẹp của nghệ thuật gợi mở cho sự phát triển những phẩm chất cấu thành đạo đức cách mạng.

GDTM và nghệ thuật còn góp phần vào việc xây dựng những chuẩn mực đạo đức và pháp lí, nghệ thuật chính là sự mô hình hóa các tính cách, các cảnh đời, các tình huống phức tạp theo lí tưởng thẩm mĩ. Trong không ít trường hợp, nhiều người biết được một nguyên tắc đạo đức, tuân thủ theo một chuẩn mực xã hội nào đó, nhất là những nguyên tắc đối nhân xử thế, là nhờ sự tiếp xúc với nghệ thuật. Qua việc xây dựng hình tượng điển hình, nghệ sĩ góp phần tạo ra những chuẩn mực đạo đức mới hay khẳng định một nguyên tắc đạo đức đã có của xã hội. Việc sử dụng nghệ thuật để giáo dục đạo đức là việc làm phổ biến của nhân loại, nhất là ở phương Đông.

TẠP CHÍ GIÁO DỤC VÀ XÃ HỘI Journal of Education and Society

CƠ QUAN NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, DIỄN ĐÀN GIÁO DỤC, KHOA HỌC
- VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC ATEC, HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM

ISSN 1859 - 3917

Số Đặc biệt tháng 5/2021 (kì 1)

VẤN ĐỀ PHÁT HUY NGUỒN LỰC CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ THANH HÀ

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

Nhận bài ngày 30/5/2021. Sửa chữa xong 10/6/2021. Duyệt đăng 13/6/2021.

Abstract

Currently, in the system of resources of socio-economic development, human resources always stand at the center, playing a decisive role for social development. Promoting this factor is the top task for each country, organizational agencies and individuals. Along with the socio-economic strategy, we need to have a strategy to build modern Vietnamese people, sufficient to meet the requirements of the current and future innovation. Being aware of people as the central resource of development has a strong impact on the development of other resources in society, from which it is possible to propose a number of appropriate solutions to promote this resource.

Keywords: Resources, human resources, socio-economic, people, promotion, motivation.

1. Đặt vấn đề

Vấn đề con người không phải đến xây dựng chủ nghĩa xã hội mới bàn đến mà khi con người có ý thức và khả năng tìm hiểu thế giới xung quanh thì cũng đồng thời tìm cách giải quyết những bí mật về bản thân con người. Lịch sử nhân loại xét cho cùng là lịch sử giải quyết vấn đề con người, từng bước thoát khỏi áp bức, bóc lột bất công để tiến tới mục tiêu cuối cùng là phát triển toàn diện cá nhân trong xã hội văn minh. Không một dân tộc nào tồn tại và phát triển lại không chú ý đến con người, chỉ khác nhau ở mục đích và phương pháp giải quyết. Sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng đã xác định mục tiêu, động lực là vì chính con người, lấy việc phát huy nguồn lực con người (NLCN) làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Đại hội XI của Đảng nhấn mạnh, phải phát triển nhanh nguồn lực, nhất là NNLC, "Tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển NNLC với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ" [1, tr. 106]. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội XII chỉ rõ: "Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển..." [2, tr. 126]. Vì thế, việc làm sáng tỏ nhận thức đúng đắn về vai trò NLCN và những điều kiện để phát huy NLCN ở Việt Nam là yêu cầu cấp bách hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm nguồn lực con người

Nhận thức đúng đắn về khái niệm NLCN chính là sự phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về con người với tư cách là người sáng tạo có ý thức, là chủ thể của lịch sử. Khái niệm NLCN, NNLC đã được nhiều tác giả trong và ngoài nước đề cập. Tuy trung lại có mấy cách tiếp cận chính sau: - Coi NLCN là số dân và chất lượng con người; bao gồm thể chất và tinh thần, sức khỏe và trí tuệ, năng lực và phẩm chất; - Coi NLCN là tổng thể sức dự trữ, những tiềm năng, lực lượng thể hiện sức mạnh và sự tác động của con người trong việc cải tạo tự nhiên và xã hội; - coi NLCN là người lao động có trí tuệ, có tay nghề thành thạo, có phẩm chất tốt đẹp, được đào tạo, bồi dưỡng và phát huy bởi một nền giáo dục tiên tiến gắn liền với một nền khoa học công nghệ hiện đại.

Nói chung, khi đề cập đến những nội dung cơ bản của khái niệm NLCN, đa số tác giả đều xác định

kết hợp với NLCN, trở thành khách thể chịu sự cải tạo, khai thác và sử dụng của con người; - So với các nguồn lực khác, chỉ có NLCN mà cốt lõi là trí tuệ mới là nguồn lực có tiềm năng vô hạn. Tính vô hạn của trí tuệ con người được biểu hiện ở chỗ nó có khả năng không chỉ tự sản sinh về mặt sinh học mà còn tự đổi mới không ngừng, phát triển về chất trong con người xã hội, nếu biết chăm lo, nuôi dưỡng và khai thác NLCN một cách hợp lý. Trong khi đó, các nguồn khác có thể bị khai thác cạn kiệt; - Trí tuệ con người có sức mạnh áp đảo so với các nguồn lực khác một khi nó được vật chất hóa, trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại đang đưa kinh tế thế giới vận động đến nền kinh tế của trí tuệ (kinh tế tri thức). Giờ đây, sức mạnh của trí tuệ đạt đến mức nhờ nó, con người có thể sáng tạo những máy móc "bắt chước" hay "phỏng" theo những đặc tính trí tuệ của chính con người. Chính sức mạnh to lớn của trí tuệ con người đã làm thay đổi thang giá trị của các loại tài nguyên, các loại nguồn lực; - Phát huy nguồn nhân lực (NNL) chính là nâng cao vai trò của NLCN trong sự phát triển KT-XH, qua đó làm gia tăng giá trị của con người. Phát huy là tạo điều kiện và làm cho cái tốt, cái đẹp, cái hợp lý tỏa tác dụng và tiếp tục nảy nở, phát triển thêm; trên cơ sở đó "phát huy NLCN" là phát huy tất cả các khả năng, trí tuệ và phẩm chất tinh thông của con người.

Phát huy NLCN thể hiện trên nhiều khía cạnh khác nhau nhưng tựu trung lại là phát huy trên ba mặt cơ bản: phát huy NNL; sử dụng, khai thác NNL và tạo môi trường nuôi dưỡng NNL. Đại hội XI của Đảng nhấn mạnh: "Phát triển và nâng cao chất lượng NNL, nhất là NNL chất lượng cao (NNLCLC) là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, đảm bảo cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững" [1, tr. 130].

Đã có giai đoạn, với suy nghĩ chủ quan phiến diện, chúng ta đã coi nhẹ vai trò con người, để cập đến con người chỉ ở khía cạnh dân số, nguồn lao động, thành phần giai cấp, cái chung... mà chưa chú ý đầy đủ đến cá nhân - nhân cách con người, chưa chú ý đầy đủ đến phát triển con người.

2.3. Nguồn lực con người và một số đòi hỏi mới nhằm phát huy nguồn lực con người

Mặc dù từ Đại hội VI của Đảng cho đến nay, con người đã được coi là đối tượng, mục tiêu và động lực của mọi hoạt động KT-XH nhưng nhận thức này chưa phải đã được thấm nhuần và quán triệt; đa số nhân dân chưa nhận thức đầy đủ vấn đề quan trọng này. Trong thực tế, vấn đề con người, chất lượng NLCN nhiều khi chúng ta chỉ coi đó là những chính sách xã hội và nhân đạo đơn thuần, việc đặt "con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển" còn dừng ở định hướng chứ chưa được thể hiện rõ trong hành động cụ thể. Vì thế, trong quá trình phát huy và sử dụng NLCN, vì hạnh phúc của con người, chúng ta vẫn còn vấp phải những thiếu sót sau đây:

- Việc đào tạo, giáo dục và nuôi dạy con người vẫn chưa theo kịp với đòi hỏi của công cuộc đổi mới KT-XH của đất nước, quá trình giáo dục, đào tạo còn nhiều bất cập, hạn chế, chất lượng giáo dục chưa cao, mất cân đối lớn giữa các ngành, lĩnh vực, thành thị và nông thôn, có khi chưa lấy việc làm giàu thêm tri thức và nhân cách của con người làm mục đích hoạt động mà còn chạy theo lợi ích kinh tế đơn thuần.

- Mục tiêu đề ra còn thiếu căn cứ khoa học và thực tiễn, chưa được bảo đảm bằng những chính sách, giải pháp tương ứng.

- Đầu tư cho nguồn lực quá ít (nhất là trong lĩnh vực y tế, giáo dục, kế hoạch hóa gia đình), còn ỷ vào viện trợ quốc tế. Nguồn vốn chưa được sử dụng hiệu quả. Khu vực kinh tế nhà nước trong môi trường cạnh tranh hiện nay thiếu những chính sách đãi ngộ, những đòn bẩy kích thích để giữ chân người tài.

- Chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới. Hội nghị các nước Đông Á, Đông Nam Á cho thấy, nhiều nước không bị chảy máu chất xám và không những đào tạo ra được một lực lượng tiềm năng mà còn thu hút nhân tài, các nhà khoa học ở nơi khác đến sống, làm việc và trở thành lực lượng lao động đáng quý. Nhật Bản dựa vào tinh thần dân tộc của mỗi người dân để phát huy và giữ chân nhân tài. Hàn Quốc có chính sách lương và các điều kiện ưu đãi đặc biệt nhằm thu hút trí thức và cả sinh viên từ các nước tiên tiến trên thế giới đến làm việc, học tập. Đây là những vấn đề đặt ra cấp bách đối với nước ta để có chính sách thu hút, khai thác năng lực

tiện chủ yếu quyết định chất lượng con người, là nền tảng của chiến lược phát triển con người. Đảng ta khẳng định: phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuyển hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế chính là phù hợp với xu hướng tất yếu đó.

Triết lý kinh doanh đã chuyển sang một bước ngoặt mới - đó là triết lý kinh doanh coi con người là trung tâm. Và vai trò NNL được nhận thức như yếu tố năng động nhất. Ngày nay, vấn đề năng lực trí tuệ sáng tạo của con người là trung tâm của thời đại. Dân tộc nào, đất nước nào làm cho năng lực trí tuệ sáng tạo trở thành phổ biến thì dân tộc đó, đất nước đó đi lên thành công. Đây là một đòi hỏi lớn đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo.

Cùng với việc đổi mới công nghệ phải chú ý đổi mới giáo dục, với phương châm: giáo dục cái mà đất nước cần chứ không phải cái mà ta có. Mặt khác, phải giáo dục toàn diện, cùng với giáo dục chính trị, giáo dục lao động nghề nghiệp cần coi trọng yếu tố nhân văn, đạo đức trong giáo dục, đào tạo; phải sử dụng nhiều hình thức giáo dục, đào tạo đa dạng, phong phú, tạo điều kiện cho con người tự giác, chủ động, sáng tạo. Đầu tư cho giáo dục phải được coi là đầu tư cơ bản, đầu tư cho tái sản xuất sức lao động, đầu tư cho tương lai. Vì thế, trong ba đột phá chiến lược, Đảng ta nhấn mạnh đến "Tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển NNL với phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ" [1, tr. 106].

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa đào tạo, sử dụng lao động và việc làm trong vấn đề phát triển NNL cho phép có thể vận hành được nền kinh tế hiện đại có khả năng cạnh tranh cao. Ở đây, vai trò của Nhà nước có ý nghĩa quyết định đến việc quản lý; điều tiết vĩ mô giữa thị trường lao động, việc làm với quy hoạch đào tạo, sử dụng đội ngũ nhân lực. Sự hoàn thiện hệ thống luật pháp và các chế định của Đảng tạo ra môi trường thuận lợi, các điều kiện rõ ràng, minh bạch để phát huy NLCN trong công cuộc đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. NNL của đất nước được tăng cường cả về quy mô và chất lượng. Lực lượng lao động cả nước tăng từ 50,4 triệu người năm 2010 lên 56,2 triệu người năm 2020. Tỷ lệ lao động được đào tạo qua đào tạo từ 40% năm 2010 đã tăng lên khoảng 65% năm 2020. Nhân lực chất lượng cao cũng tăng lên, trong đó có một số ngành đạt trình độ khu vực và quốc tế như y tế, cơ khí, công nghệ xây dựng...[7].

Để phát huy NLCN thực sự chất lượng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đất nước, xây dựng và chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là triển khai thật tốt nhiệm vụ "Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ...; phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh" [2, tr. 47-48].

Vì thế, việc chuyển đổi nền giáo dục truyền thống sang nền giáo dục hiện đại không phải dễ dàng, nhưng không thể không làm, mà phải làm thực sự quyết liệt ngay từ bây giờ; đổi mới từ cấp tiểu học trở lên để hình thành nhân cách con người Việt Nam có lòng yêu nước, tự hào dân tộc. Giáo dục phải giúp cho sự định hướng xã hội, sử dụng truyền thống như là tiền đề, sức mạnh có khả năng thích ứng với sự thay đổi của tiến bộ thế giới, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

3. Kết luận

Sau 35 năm đổi mới, 30 năm thực Cương lĩnh 1991 và nhất là 10 năm thực hiện cương lĩnh 2011, đất nước ta đã thu được những thành tựu phát triển to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước đã được nâng lên, đời sống nhân dân đã được cải thiện căn bản, rõ rệt. Tuy nhiên, chúng ta cũng đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Những nguy cơ về tụt hậu, lệch hướng, tham nhũng lãng phí, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, diễn biến hòa bình... chưa ngăn chặn, đẩy lùi một cách cơ bản, có mặt, có nơi, có lúc còn biểu hiện gay gắt, phức tạp. Vấn đề bảo vệ hòa bình, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển của Tổ quốc, ứng phó kịp thời với biến đổi khí hậu, giữ vững ổn định chính trị xã hội, là những thách thức trực tiếp đối với công cuộc xây dựng, phát triển đất nước, thực hiện mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

TẠP CHÍ LÝ LUẬN - KHOA HỌC GIÁO DỤC * BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tập 22, Số đặc biệt 5

Tháng 5/2022



ISSN 2354-0753

MỘT SỐ BIỆN PHÁP ĐỔI MỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN HIỆN NAY THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Nguyễn Thị Thanh Hà

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

Email: thanhha072007@gmail.com

Article history

Received: 05/5/2022

Accepted: 28/5/2022

Keywords

Education of ethical values, ethical values, method innovation, competence, capacity development

ABSTRACT

Renovating university teaching methods in general and reforming moral value education in particular is a very important step because an effective method can promote students' thinking and creativity. Students are the source of the country's future intellectuals. Students not only need solid professional knowledge, but also have political, ethical, skills and high ideals of life. The goal of educating moral values for the young generation in general and especially, for students of colleges and universities in particular, does not stop at the level of awareness, but the requirement to achieve is to show the attitude individuals are clear and behave in accordance with current social ethical standards. Therefore, learning must go hand in hand with practice, education must be associated with practical life, which is the basic principle in educating students about moral values. In order to be highly effective in educating students on moral values, it is necessary to choose methods that focus on capacity development that can meet integration requirements

1. Mở đầu

Giáo dục định hướng phát triển năng lực (PTNL) đã và đang trở thành một xu thế toàn cầu trong các nhà trường ở mọi cấp học. Với tư cách là lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho xã hội, giáo dục đại học cũng không thể nằm ngoài xu thế đổi mới đó nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước và thời đại. Một trong những định hướng cơ bản của công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục nước ta hiện nay là chuyển từ dạy học nội dung sang dạy học theo định hướng PTNL cho sinh viên (SV), nhằm tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học. Nghị quyết số 14/2005/NQ-C'P của (Hình phụ về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam giai đoạn 2006-2020 đã nêu rõ: “*Phát triển các chương trình giáo dục đại học theo hướng định hướng nghiên cứu và định hướng nghề nghiệp - ứng dụng,...* Đổi mới nội dung đào tạo, gắn kết chặt chẽ với thực tiễn nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và nghề nghiệp trong xã hội, phục vụ yêu cầu phát triển KT-XH của từng ngành, từng lĩnh vực, tiếp cận trình độ tiên tiến của thế giới. Phát triển tiềm năng nghiên cứu sáng tạo, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực hoạt động trong cộng đồng và khả năng lập nghiệp của người học” (Chính phủ, 2005). PTNL giúp người học không chỉ biết học thuộc, ghi nhớ mà còn phải biết làm thông qua các hoạt động cụ thể, sử dụng những tri thức học được để giải quyết các tình huống trong cuộc sống. Nói cách khác, phải gắn với thực tiễn đời sống. Nếu như tiếp cận nội dung chủ yếu yêu cầu người học trả lời câu hỏi: Biết cái gì, thì để PTNL luôn đặt ra câu hỏi: Biết làm gì từ những điều đã biết. Nói cách khác, nói đến năng lực là phải nói đến khả năng thực hiện, là phải biết làm chứ không chỉ biết và hiểu. Do đó, mỗi nhà giáo dục - giảng viên (GV) đóng vai trò là người định hướng nhằm phát triển năng lực (PTNL), các kỹ năng cơ bản giúp người học tự tiếp cận và giải quyết các vấn đề mà tri thức môn học đặt ra. Cần quan tâm thỏa đáng đến việc GD-ĐT SV thành những nhân cách tích cực, trong đó công tác giáo dục giá trị đạo đức SV theo hướng PTNL là một trong những nội dung, nhiệm vụ hết sức quan trọng.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Tầm quan trọng của việc vận dụng quan điểm giáo dục định hướng phát triển năng lực trong giáo dục giá trị đạo đức cho sinh viên hiện nay

Xu hướng chung của các nước là chuyển đổi từ hướng tiếp cận nội dung sang hướng PTNL. GD-ĐT góp phần nâng cao dân trí ở mọi quốc gia, dân tộc, góp phần tạo ra hệ thống giá trị xã hội mới.

Arixtốt (384-322 TCN) là nhà “bách khoa toàn thư” và là một trong những nhà tư tưởng vĩ đại nhất của triết học Hy Lạp cổ đại. Đối với Arixtốt, giáo dục như là “cứu cánh” của con người, của nhân loại, là điều kiện rất quan trọng để cá nhân hòa đồng với xã hội. Ông cho rằng: “phải đi từ điều đã biết, phải có sẵn một nền giáo dục luân lý tốt đẹp

con người có được nhờ vào sự kiên trì học tập, rèn luyện và tích lũy kinh nghiệm của bản thân trong hoạt động thực tiễn.

PTNL là phát triển những khả năng hoàn thành nhiệm vụ đặt ra, phát triển nhân cách, trong đó tính tích cực hoạt động và giao lưu của cá nhân đóng vai trò quyết định; phát triển khả năng thực hiện thành công hoạt động trong bối cảnh nhất định nhờ sự huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và phát triển các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí...

Với cách tiếp cận mục tiêu của quá trình dạy học không chỉ là truyền thụ kiến thức mà còn là con đường để hình thành các NL cần thiết cho người học trong hoạt động học tập và định hướng nghề nghiệp, thông qua dạy học các môn khoa học nói chung và giáo dục giá trị đạo đức nói riêng có thể hình thành cho người học các NL cơ bản sau: NL tự học; NL tư duy; NL giao tiếp; NL hợp tác... Quan điểm GD định hướng PTNL không chỉ chú ý tích cực hoá hoạt động trí tuệ mà còn chú ý đến rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống cụ thể của cuộc sống và nghề nghiệp, các hoạt động thực hành, thực tế. Tăng cường việc tổ chức hoạt động nhóm, khuyến khích sự cộng tác và giao tiếp trong học tập để phát triển các NL xã hội và hướng đến giải quyết các vấn đề phức hợp trên cơ sở hiểu biết liên môn.

Như vậy, đổi mới công tác giáo dục giá trị đạo đức cho SV là hướng đến giúp SV hình thành và phát triển những NL (có đầy đủ khả năng và kỹ xảo) cũng như tâm thế sẵn sàng hành động để giải quyết các tình huống xác định cụ thể trong cuộc sống và môi trường học tập hoặc có hành động thể hiện rõ thái độ của mình ủng hộ cho cái đúng, cái thiện phê phán cái sai, cái ác một cách có trách nhiệm, hiệu quả và linh hoạt dựa trên chuẩn những giá trị đạo đức đã được công nhận trong xã hội hiện hành; đó là việc làm có ý nghĩa tích cực đối với đời sống xã hội.

2.3. Công tác giáo dục giá trị đạo đức cho sinh viên theo quan điểm giáo dục định hướng phát triển năng lực trong bối cảnh hiện nay

Nghị quyết số 29-NQ/TW năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã đề ra mục tiêu đối với giáo dục đại học là: “Tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học. Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia; trong đó, có một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế. Đa dạng hóa các cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực, ngành nghề; yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế” [8].

Mục tiêu này đòi hỏi các cơ sở giáo dục đại học không chỉ đào tạo người học thành những người có kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp mà còn phải giáo dục họ là những người có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có đạo đức lối sống trong sáng, lành mạnh, có lòng yêu nước, có trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức sáng tạo, cống hiến.

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, xuất hiện tương đối sớm và có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của xã hội. Đạo đức được hiểu “Là một hình thái ý thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, qui tắc, chuẩn mực xã hội, nhằm điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội” [9]. Đạo đức với tính cách là một hình thái ý thức xã hội có thể được xem là toàn bộ những quan niệm về thiện, ác, tốt, xấu, lương tâm, trách nhiệm, hạnh phúc, công bằng... và về những qui tắc đánh giá, điều chỉnh hành vi ứng xử giữa cá nhân với xã hội, giữa cá nhân với cá nhân trong xã hội. Đạo đức là một hệ thống các giá trị. Giá trị đạo đức theo nghĩa chung nhất là những gì mà con người xem như là việc làm có ý nghĩa tích cực đối với đời sống xã hội, mang lại lợi ích và làm cho cuộc sống này tốt đẹp hơn. Giá trị đạo đức luôn thay đổi và phát triển theo sự phát triển của xã hội và sẽ mãi là đề tài thu hút nhiều tranh luận và nghiên cứu trong nhiều ngành khoa học xã hội mà đặc biệt là triết học [2]. Giáo dục giá trị đạo đức là quá trình biến các chuẩn mực đạo đức từ những đòi hỏi bên ngoài của xã hội thành những đòi hỏi bên trong của mỗi cá nhân, thành niềm tin, nhu cầu, thói quen của người được giáo dục. Giáo dục giá trị đạo đức bao gồm giáo dục thể giới quan, nhân sinh quan, giáo dục tư tưởng chính trị và giáo dục các phẩm chất đạo đức cao đẹp của con người cho người học.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay đã tạo ra nhiều hệ giá trị mới như Tinh thần yêu nước Việt nam; tinh thần nhân ái; dũng cảm; biết chấp nhận, tiếp thu; hiếu học; sáng tạo... trong đó tinh thần yêu nước, lòng nhân nghĩa là giá trị cốt lõi của xã hội và con người Việt Nam. Nhưng cũng từ đây, cuộc đấu tranh giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu, giữa lối sống lành mạnh trung thực, có lý tưởng với lối sống ích kỉ, thực dụng đang diễn ra hàng ngày. Bên cạnh những hệ giá trị mới được hình thành thì những biểu hiện tiêu cực cũng đang xâm nhập vào đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ SV hiện nay. Trong thời đại công nghệ thông tin phát triển như vũ bão, SV tiếp thu những cái mới rất nhanh chóng nhưng dường như những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc cũng vì thế mà đang bị lãng quên

Quan điểm GD định hướng PTNL được thể hiện ở việc lấy môi trường thực tiễn của chính trường mình để giáo dục cho SV thông qua việc xây dựng môi trường văn hoá học đường chuẩn mực, khang trang, thân thiện và hiện đại.

Môi trường văn hoá học đường hàng ngày được SV tiếp xúc học tập và trao đổi hàng ngày có ảnh hưởng rất lớn trong việc giáo dục giá trị đạo đức cho SV. Những câu khẩu hiệu mang tính nhân văn được trang trí phù hợp hàng ngày sẽ nhắc nhở SV và sẽ đi sâu vào tiềm thức họ; Sứ mệnh và mục tiêu đào tạo của nhà trường nên được công bố ở những vị trí phù hợp để GV và SV đều có thể dễ dàng đọc được hàng ngày và sẽ thấm sâu vào tiềm thức để mỗi hành động cụ thể của GV, SV đều được suy xét một cách kỹ càng; một môi trường học đường xanh sạch đẹp, khang trang và ngăn nắp sẽ có tác dụng rất lớn đến công tác dạy và học cũng như giáo dục SV. Những nội dung này cũng cần được điện tử hoá trên website của trường như một kênh tuyên truyền hiệu quả.

Thông tin mang tính thời sự có ý nghĩa giáo dục cao phải được chọn lọc và cập nhật qua các kênh tuyên truyền của trường như khung báo chí, giới thiệu tập san, đài phát thanh... Hiện nay, một số trường CĐ-ĐH có hệ thống máy tính truy cập internet giúp SV cập nhật thông tin tốt hơn, tuy nhiên, cũng cần có sự quản lý và kiểm duyệt về nội dung và hình ảnh. Thư viện phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện nhiệm vụ này. Vấn đề quan trọng là tổ chức cho SV đưa ra những lời nhận xét, phê bình hay thể hiện thái độ, cách giải quyết của mình trước những sự kiện hay tình huống diễn ra trong thực tế trên mạng Internet hay trên giấy. Đây cũng là những minh chứng để nhà giáo dục biết thái độ của SV trước những trường hợp trong thực tiễn, giúp SV có thái độ rõ ràng để định hướng cho những hành động trong những tình huống tương tự khi xảy ra đối với mình; đây cũng là biện pháp khắc phục được hiện tượng vô cảm của một bộ phận thanh niên hiện nay trước những hiện tượng xã hội đặc biệt.

Bên cạnh về trang thiết bị cơ sở vật chất, văn hoá giao tiếp, ứng xử trong trường có ý nghĩa rất quan trọng. Trước hết, tập thể thầy cô giáo phải nghiêm túc và chuẩn mực trong trang phục, giao tiếp ứng xử, thực hiện giờ giấc... vì điều này ảnh hưởng rất lớn đến SV. Sự chuẩn mực của các thầy cô giáo sẽ là điểm tựa cho SV trong sự phát triển cá nhân riêng của SV hay của tập thể nhóm. Mỗi quan hệ giao tiếp GV- GV; GV-SV; SV-SV trong trường xây dựng theo tinh thần thân thiện nhưng chuẩn mực; cởi mở nhưng tôn trọng... ở tất cả mọi lúc, mọi nơi nhất là giúp SV có văn hoá ứng xử giao tiếp, phát biểu trong các semina, hội thảo hay ngay cả giao tiếp thông thường... Các mối quan hệ trao đổi thông tin giữa SV và nhà trường qua mạng internet cũng cần được phát huy vì tính hiệu quả và tiện dụng của nó, song cũng cần chú ý đến văn hoá giao tiếp trên mạng để giáo dục giá trị đạo đức cho SV.

Bên cạnh hình thức, thiết bị cơ sở vật chất thì phong cách ứng xử giao tiếp trong trường, sự nghiêm túc và công bằng trong thi cử cũng như đánh giá các công trình nghiên cứu khoa học, đề tài, luận văn, luận án cũng là một nét văn hoá học đường cần quan tâm đặc biệt. Đây là nội dung giáo dục đức tính trung thực trong học thuật cho SV, một đức tính rất quan trọng trong giáo dục giá trị đạo đức. Đây cũng chính là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo nhà trường với phương châm học thật, thi thật, bằng thật; tạo niềm tin thật sự cho xã hội và người sử dụng lao động.

Để thực hiện những nội dung này, các quy định về xây dựng môi trường văn hoá học đường phải được cụ thể hoá từng nội dung hay chuẩn của từng hành vi đạo đức và thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin của trường và trong tâm nang SV. Bên cạnh đó, khâu kiểm tra, đánh giá trong giai đoạn đầu có ý nghĩa quan trọng và một khi tất cả đã trở thành thói quen và ý thức tự giác cao của mỗi người thì tất cả sẽ tạo nên một môi trường văn hoá học đường tiên bộ, chuẩn mực và bền vững.

Hai là, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy các môn học liên quan đến giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức cho SV

Trong thiết kế chương trình, kế hoạch giáo dục đạo đức cần bảo đảm tính logic... nếu thiếu đi người học sẽ không hứng thú và ngại học, đặc biệt cần tích cực sử dụng những tấm gương mẫu mực về đạo đức, lối sống để giáo dục cho SV. Nhiều ý kiến cho rằng PPDH thuyết trình, giáo điều không mang lại hiệu quả cao khi giảng dạy các môn học liên quan đến giáo dục chính trị đạo đức cho SV. Với quan điểm GD định hướng PTNL, hai PPDH nghiên cứu trường hợp và dạy học theo dự án được xem là giúp cho người học gắn kết lý thuyết với thực hành và phát huy tính tích cực học tập của SV. SV được tổ chức nghiên cứu và thảo luận trong nhóm về một số trường hợp điển hình trong thực tiễn hay được tham gia các dự án học tập và qua đó được giáo dục những giá trị đạo đức.

Ví dụ, trong những nội dung dạy học phù hợp, GV tổ chức cho SV nghiên cứu trường hợp về hiện tượng tiêu cực trong kỳ thi tốt nghiệp 2012 tại trường Đồng Ngô (Bắc Giang) qua báo chí. SV sẽ thảo luận và đưa ra những ý kiến nhận xét cũng như cách giải quyết như thế nào trong trường hợp GV coi thi đã làm ngor hoặc tiếp tay cho các hành vi tiêu cực trong thi cử. Sau đó đối chiếu với cách xử lý thật của các cơ quan chức năng và lý giải. Về dạy học theo dự án, GV có thể tổ chức cho SV thực hiện các dự án thực tiễn liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ của ngành nghề

chuẩn mực. Xây dựng môi trường văn hoá học đường, đổi mới PPDH các môn học liên quan, nâng cao chiều sâu các hoạt động ngoại khoá và giáo dục đạo đức nghề nghiệp thông qua hoạt động thực hành, thực tập được xem là những biện pháp để thực hiện có hiệu quả đổi mới công tác giáo dục giá trị đạo đức cho SV theo quan điểm GD định hướng PTNL.

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2005). *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*.
2. Arixtôt (2013). *Chính trị luận* (Nông Xuân Trường dịch). Nxb Thế giới, tr.27.
3. Hồ Chí Minh (2002). *Toàn tập, tập 4*. Nxb Chính trị Quốc gia, tr.8.
4. Hồ Chí Minh (2000). *Toàn tập, tập 11*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, tr.399.
5. Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập, tập 11*, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.309.
6. Nguyễn Văn Cường (2007). *Đổi mới phương pháp dạy học*, Tài liệu tập huấn.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình Giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể 2018*, tr.36
8. Nghị quyết số 29-NQ/TW năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
9. GS, TS Nguyễn Ngọc Long và PGS, TS Nguyễn Thế Kiệt (Chủ biên), *Giáo trình Đạo đức học Mác - Lênin*, Nxb Li luận Chính trị, 2004, tr.7.
10. W Veugelers (2010), *Giá trị đạo đức trong đào tạo giáo viên*, Tạp chí khoa học ELSIVIER.
11. *Bài phát biểu* của Steeve Jobs tại buổi lễ SV tốt nghiệp trường ĐH Stanford. http://www.hua.edu.vn/khoa/cnts/index.php?option=com_content&task=view&id=2102&Itemid=292.
12. Lê Hoàng viết tâm thư gửi học sinh sắp ra trường. <https://nguolaidobendongsonglam.violet.vn/entry/le-hoang-viet-tam-thu-gui-hoc-sinh-sap-ra-truong-7875704.html>
13. Mai Văn Hới, *Giá trị đạo đức và sự biểu hiện của nó trong đời sống xã hội*. <http://thongtinphapluatdansu.wordpress.com>

International Journal of Learning, Teaching and Educational Research
 Vol. 22, No. 5, pp. 457-478, May 2023
<https://doi.org/10.26803/ijlter.22.5.23>
 Received Mar 25, 2023; Revised May 21, 2023; Accepted May 28, 2023

Curriculum Development Competency of Pedagogical Students: An Exploratory Study from Vietnam

Thi Bích Nguyen^{ID}, Quang Linh Nguyen^{ID}, Thị Phương Thao Trinh^{ID}
 Thai Nguyen University of Education, Vietnam

Thị Hai Anh Nguyen^{ID}
 Thai Nguyen University of Information and Communication Technology,
 Vietnam

Thị Minh Thu Nguyen^{ID}, Tiên Khoa Cao^{ID},
 Thị Thanh Hà Nguyen^{ID} and Thị Kiều Oanh Phạm^{ID}
 Thai Nguyen University of Education, Vietnam

Abstract. The curriculum development capacity of pedagogical students as pre service teachers at universities of education plays a decisive role in the process of achieving the educational goals of a nation. In Vietnam, ethnic minority students have more drawbacks than their peers, so the issues of enhancing curriculum development capacity for ethnic minority students in pedagogical universities in Vietnam need to be paid more attention. In this study, the researchers used a quantitative research method to assess the curriculum development competency of students in general and ethnic minority students, in particular, at several pedagogical universities in Vietnam. The study was carried out online through Google Forms. After data collection, the study obtained 1 246 responses from 1 510 students of nine pedagogical universities. Research findings show that (1) there are three groups of competencies with 15 components of curriculum development competency, including comprehension (knowledge) of curriculum development (A1); practical skills (skills) of curriculum development (A2) and emotional competency (attitudes) about curriculum development (A3); (2) The curriculum development competency of ethnic minority students in pedagogical universities is quite good, in which the component competencies range from 3.7 and 3.9 in average point for each of the above groups of competencies (on a 5-point Likert Scale). Research findings suggest contributing to providing scientific bases and useful suggestions for developing sustainable education in different regions of Vietnam.

Keywords: curriculum development; capacity; ethnic minority students

*Corresponding author: Nguyen, Quang Linh, linhlnq@tue.edu.vn

have the necessary skills to develop curricula that meet the needs of all students, including ethnic minorities. *"What challenges do pedagogical universities in Vietnam face in enhancing their students' capacity to develop curricula?"* is regarded a vital issue that pedagogical universities in Vietnam need to pay attention to.

The goal of general education is the basis for development and improvement of teacher training programs in pedagogical universities (Serdenciuc, 2013). The beneficiaries of the training programs are pedagogical students of all ethnicities although the focus in the current study is on ethnic minorities. Therefore, in order to support the development of appropriate teacher training programs for pedagogical students from ethnic minorities (Da, 2018), the authors set out to explore factors that could influence the motivation of ethnic minority students (Isik et al., 2018); to determine whether dropout rates could be impacted by the curriculum design of the teacher training programs (Shrivastava et al., 2018); to investigate the adaptability to learning methods of ethnic minority students at Thai Nguyen University of Education - Thai Nguyen University - Vietnam (Cuong, 2017); to evaluate the difficulties of teachers and students from ethnic minorities and to determine how to develop curricula to achieve educational inclusion (Hallinger et al., 2021).

Research on the curriculum development capacity of ethnic minority students in Vietnam is crucial and significant. This study aims to answer the following research questions: (1) *What are the competencies in curriculum development required by pedagogical students in Vietnam?* (2) *What level of curriculum development competency do ethnic minority pedagogical students achieve in Vietnam?*

2. Literature Review

2.1 The important role of curriculum development in research in educational science

Curriculum development is a key component of an effective educational experience (Bich, 2016). Curriculum development is a core issue in the feasibility and growth of any discipline (Westbroek et al., 2019) and has been researched for several decades (Vesel, 2011; Norman, 1950; Steenholdt, 1989). More recently, studies on curriculum development have been conducted on learners' needs and requirements of the modern educational system with a focus on specific educational contexts, (Boudreaux & Elby, 2020; Taufik & Firdaus, 2021), thereby proposing solutions to overcome difficulties in education in specific localities (Richey & Klein, 2020). Studies refer to curriculum development theory such as concepts, processes, roles, and approaches (Boudreaux & Elby, 2020). Competency-based curriculum development has been highlighted (Levine & Patrick, 2019). Furthermore, modern education affirms the important role of teachers in curriculum development and implementation (Perry & Boylan, 2018).

Curriculum development plays a crucial role in education. It involves changes in what is taught, to whom, and how. The responsibility of curriculum development has been under debate, with some viewing it as the responsibility of researchers, theorists or administrators. However, the curriculum is one of the core features of an educational system and plays an important role in students' learning outcomes. A research-grounded basis for improving instruction and learning can be achieved through developing a conceptual framework for new education

educational requirements in Vietnam.

2.3. Competency and teachers' curriculum development competency

Many studies on the current situation of pedagogical competency and professional development solutions for teachers have been carried out (Giáo, 2019; Perry & Boylan, 2018). Standards of professional competency of a good teacher are set, including teaching capability, effective classroom management and evaluation (Kulshrestha & Pandey, 2013). The analysis of teachers' profiles and the competencies shows a need for the development of a competency model that includes positive and negative indicators of teaching performance (Blašková et al., 2014). The general framework regarding teacher competencies has nine dimensions: field competencies, research competencies, curriculum competencies, lifelong learning competencies, social-cultural competencies, emotional competencies, communication competencies, information and communication technologies competencies (ICT) and environmental competencies (Selvi, 2010). However, there have not been many studies on teachers' curriculum competencies. Some authors have proposed criteria to evaluate teachers' curriculum competencies. They argue that these findings have important implications for theoretical models of the use of instructional materials and improving the teachers' curriculum competencies (Bertschy et al., 2013; Young et al., 2017).

The most crucial competency for pre-service teachers in curriculum development is the ability to design and organize lesson plans effectively. To do this, pre-service teachers need to reach the following aims. The first aim is to master professional knowledge, understand concepts, principles, and teaching methods in the subjects they are teaching, and know how to apply appropriate teaching principles and pedagogy to create a positive learning environment and promote the all-round development of students. The second aim lies in the fact that they need to have the ability to observe and assess students' abilities, interests, needs and expectations, in order to design an appropriate curriculum for each learner. Finally, yet importantly, they need to know how to make detailed teaching plans, allocate time and resources appropriately and ensure the achievement of the set teaching goals. Thus, research is needed on the competency and curriculum development competencies required by teachers in high schools.

2.4. Competency and curriculum development competencies of pedagogical students

Competency means the proven ability to effectively and responsibly perform actions, solve tasks and problems in the professional, social or personal fields in different situations on the basis of knowledge, skills, techniques and experience as well as willingness to act (Meier & Van, 2009). Competency is an individual attribute that is formed and developed thanks to the inherent qualities and the process of learning and training, allowing people to synthesize knowledge, skills and other personal attributes such as inspiration, beliefs and will to successfully perform a series of activities and to achieve the desired results under specific conditions (MoET, 2018b).

For pedagogical students, instructional competency ranks as the most important. This competency includes five components including professional competency,